

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC
VÀ KẾ HOẠCH NĂM ... CỦA VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**
(trường hợp xác định quỹ lương thông qua mức lương bình quân)
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNV ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm...		Kế hoạch năm ...
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)				
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng			
3	Tổng chi phí	Tr.đồng			
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng			
5	Chênh lệch thu chi	Tr.đồng			
6	Năng suất lao động (1)	(2)			
II	Tiền lương của người lao động, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (không bao gồm lao động công nghệ cao)				
1	Tiền lương của người lao động khối sản xuất và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc				
a)	Số lao động bình quân, trong đó:	Người			
-	Số lượng Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc	Người			
-	Số lao động bình quân (bao gồm cả viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động)	Người			
b)	Tiền lương bình quân, trong đó:	1.000đ/tháng			
-	Người lao động	1.000đ/tháng			
-	Tổng giám đốc	1.000đ/tháng			
-	Các Phó Tổng giám đốc	1.000đ/tháng			
c)	Quỹ tiền lương, trong đó	Tr.đồng			
-	Người lao động	Tr.đồng			
-	Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc	Tr.đồng			
2	Tiền lương của lao động Ban Biên tập Truyền hình Đa phương tiện				
a)	Số lao động bình quân (bao gồm cả viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động)	Người			

b)	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng			
c)	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng			
3	Tiền lương của Cơ quan Thường trú tại nước ngoài				
a)	Số viên chức bình quân	Người			
b)	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng			
c)	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng			
4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng			
III	Tiền lương của lao động công nghệ cao				
1	Số lao động công nghệ cao bình quân	Người			
2	Phần tiền lương của lao động công nghệ cao	Tr.đồng			
3	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng			
4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng			

Ghi chú: (1) Ghi cụ thể tên chỉ tiêu tính năng suất lao động VTV lựa chọn, nếu sử dụng chỉ tiêu khác phản ánh hao phí lao động thì phải có thuyết minh cụ thể.

(2) Ghi đơn vị tính tương ứng với chỉ tiêu tính năng suất lao động tại điểm (1) theo năm.

(3) Nếu sử dụng chữ ký số thì bỏ phần này.

....., ngày tháng năm

Người lập biểu (3)
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng giám đốc (3)
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC
VÀ KẾ HOẠCH NĂM ... CỦA VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**
(trường hợp xác định quỹ tiền lương thông qua đơn giá)
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BNV ngày ... tháng ... năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Các năm liền trước năm đầu tiên áp dụng đơn giá				Thực hiện năm ...
			Thực hiện năm ...	Thực hiện năm ...	Thực hiện năm ...	Bình quân các năm liền trước	
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh						
1	Chỉ tiêu tính đơn giá (1)						
2	Chênh lệch thu chi	Tr.đồng					
3	Chênh lệch thu chi sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước	Tr.đồng					
4	Năng suất lao động (2)	(3)					
II	Tiền lương của người lao động, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (không bao gồm lao động công nghệ cao)						
1	Tiền lương của người lao động khối sản xuất và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc						
a)	Số lao động bình quân, trong đó:	Người					
-	Số lượng Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc	Người					
-	Số lao động bình quân (bao gồm cả viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động)	Người					
b)	Thời gian áp dụng đơn giá (4)... năm, với đơn giá là ...	(5)					
c)	Tiền lương bình quân, trong đó:	1.000đ/tháng					
-	Người lao động	1.000đ/tháng					
-	Tổng giám đốc	1.000đ/tháng					
-	Các Phó Tổng giám đốc	1.000đ/tháng					
d)	Quỹ tiền lương đơn giá	Tr.đồng					
2	Tiền lương của lao động Ban Biên tập						

	Truyền hình Đa phương tiện						
a)	Số lao động bình quân (bao gồm cả viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động)	Người					
b)	Thời gian áp dụng đơn giá (4)... năm, với đơn giá là ...	(5)					
c)	Quỹ tiền lương theo đơn giá	Tr.đồng					
d)	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng					
3	Tiền lương của Cơ quan Thường trú tại nước ngoài						
a)	Số viên chức bình quân	Người					
b)	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng					
c)	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng					
III	Tiền lương của lao động công nghệ cao						
1	Số lao động công nghệ cao bình quân	Người					
2	Phần tiền lương của lao động công nghệ cao	Tr.đồng					
3	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng					
4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng					

Ghi chú: (1) Ghi cụ thể tên chỉ tiêu tính đơn giá.

(2) Ghi cụ thể tên chỉ tiêu tính năng suất lao động VTV lựa chọn, nếu sử dụng chỉ tiêu khác phản ánh hao phí lao động thì phải có thuyết minh cụ thể.

(3) Ghi đơn vị tính tương ứng với chỉ tiêu tính năng suất lao động tại điểm theo năm.

(4) Ghi số năm áp dụng đơn giá.

(5) Ghi cụ thể đơn vị tính tương ứng với chỉ tiêu tính đơn giá.

(6) Nếu sử dụng chữ ký số thì bỏ phần này.

Người lập biểu (6)
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

....., ngày tháng năm
Tổng giám đốc (6)
(Ký, ghi rõ họ tên)